TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK HÀ TỈNH KON TUM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/DS- ST
Ngày: 13/4/2023
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK HÀ TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà:* Ông Phạm Trọng Hàn.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Hà Văn Kiên

2. Bà Phạm Thị Giang

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Trần Thị Dịu - Thư ký TAND huyện Đăk Hà.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà tham gia phiên tòa:*** Bà Đàm Thị Bé - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 54/2022/TLST-DS ngày 23/11/2022 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 03/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 2 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa ngày 28 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Ch. Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn Đăk Hà, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Bà Bùi Thị H. Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn Đăk Hà, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

******* *Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/11/2022, bản tự khai ngày 29/11/2022, biên bản đối chất, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đỗ Thị Ch trình bày:*

Vào ngày 20/12/2016 bà Bùi Thị H có mượn của bà Ch số tiền là 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng). Khi mượn tiền thì bà H tự viết và ký tên vào giấy nhận nợ với bà. Sau khi bà H mượn số tiền trên của bà thì đã trả được cho bà là 115.000.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu đồng) làm 3 lần cụ thể như sau:

Lần 1: Trả 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng)

Lần 2: Trả 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng)

Lần 3: Trả 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng)

Đến nay bà H còn nợ bà số tiền là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng). Bà Ch yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H trả cho bà số tiền là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm.

Về phía bị đơn: *Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/11/2022, biên bản đối chất, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà Bùi Thị H bày:*

Bà H và bà Ch là bạn bè chơi với nhau từ lâu. Trước đây bà vay của bà Ch nhiều lần nhưng lần nào cũng trả xòng phẳng. Lần sau cùng bà vay của bà Ch số tiền là 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi ngàn đồng). Sau khi vay tiền bà đã trả cho bà Ch số tiền 135.000.000 đồng (Một trăm ba mươi lăm triệu đồng) trả làm ba lần:

Lần 1: 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng)

Lần 2: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng)

Lần 3: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng)

Bà H không nhớ rõ lần trả cuối cùng vào thời gian nào, nhưng cuối năm 2017 chứ không phải vào năm 2018 như giấy vay mượn mà bà Ch đã nộp cho Tòa án. Tài liệu chứng cứ bà Ch nộp về số tiền 30.000.000 đồng cuối cùng là chứng cứ giả vì bà đã trả đợt 3 là 50.000.000 đồng. Bà Ch tự ghi ngày tháng năm trả tiền được thì cũng tự ghi số tiền trả của bà được. Nên bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Ch. Bà H chỉ đồng ý bà còn nợ bà Ch số tiền là 5.000.000 đồng. Ngoài ra không còn số tiền nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS.

- Những người tham gia tố tụng đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Bùi Thị H phải trả cho bà Đỗ Thị Ch số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

Về án phí DSST: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào ý kiến của đương sự tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Đây là vụ án *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* giữa nguyên đơn là bà Đỗ Thị Ch. Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn Đăk Hà, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum với bị đơn bà Bùi Thị H. Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn Đăk Hà, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà được quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được thực hiện trước thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực, tuy nhiên do giao dịch dân sự đang được thực hiện có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Từ ngày 20 tháng 12 năm 2016 bà Bùi Thị H có mượn của bà Đỗ Thị Ch với số tiền là 140.000.000đ (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*) không có thỏa thuận về lãi suất và thời gian trả nợ. Sau khi mượn tiền thì bà H đã trả cho bà Ch số tiền là 115.000.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu đồng), số tiền còn lại là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) bà H chưa trả nốt cho bà Ch. Do đó, bà Đỗ Thị Ch khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà giải quyết buộc bà Bùi Thị H phải trả cho bà Đỗ Thị Ch số tiền là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) và không yêu cầu về lãi. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ bà Ch cung cấp cho Tòa án giấy mượn tiền được viết bằng giấy kẻ ngang mực xanh đề ngày 20/12/2016 ký tên người vay là Bùi Thị H. Trong giấy vay tiền có thể hiện bà H đã trả cho bà Ch 3 lần như sau:

Lần 1: Trả 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng)

Lần 2: Trả 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) ngày 10/10/2017

Lần 3: Trả 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) ngày 13/10/2018.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cụ thể là biên bản lấy lời khai ngày 30/11/2022, biên bản đối chất ngày 19/12/2022, lời khai trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bà Bùi Thị H đều thừa nhận bà đã mượn và tự viết, ký tên nhận nợ với bà Đỗ Thị Ch số tiền là 140.000.000 đồng *(Một trăm bốn mươi triệu đồng)* ngày 20/12/2016. Tuy nhiên, bà H trình bày bà đã trả cho bà Ch làm 3 lần với tổng số tiền là 135.000.000 đồng, số tiền bà H còn nợ bà Ch là 5.000.000 đồng. Bà H cho rằng tài liệu chứng cứ bà Ch nộp cho Tòa án là chứng cứ giả, vì lần thứ 3 bà H đã trả cho bà Ch số tiền là 50.000.000 đồng chứ không phải là 30.000.000 đồng như trong giấy mượn tiền của bà Ch đã thể hiện. Bà H trình bày khi bà Ch nhờ bà Sang nhắn tin đòi tiền bà H thì có chụp hình giấy mượn tiền trong hình không thể hiện ngày trả tiền như trong giấy mượn tiền mà bà Ch đã

nộp cho Tòa án. Bà H có cung cấp cho Tòa án 01 bản phô tô bằng hình ảnh thể hiện trong giấy mượn tiền lần trả tiền thứ 3 không có ngày trả tiền. Ngoài ra bà H không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào khác thể hiện bà H đã trả số tiền là 135.000.000 đồng cho bà Ch.

Hội đồng xét xử xét thấy, phía nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận có việc bị đơn bà Bùi Thị H là người viết và ký giấy mượn tiền đề ngày 20/12/2016 với số tiền 140.000.000 đồng của bà Đỗ Thị Ch, sau khi mượn tiền bà H đã trả cho bà Ch 3 lần. Hai bên thống nhất số tiền lần 1 và lần 2 với tổng số tiền là 85.000.000 đồng, đây là chữ viết của bà Bùi Thị H. Nhận thấy nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bị đơn thừa nhận về số tiền gốc ban đầu và số tiền trả lần 1, lần 2 và không đồng ý lần trả thứ 3 nhưng bị đơn lại không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ và đúng sự thật. Ngoài tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp thì không còn tài liệu chứng cứ nào khác thể hiện việc trả nợ giữa nguyên đơn và bị đơn. Vì vậy, có cơ sở để xác định chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là đúng sự thật.

Việc bà Bùi Thị H cho rằng lần thứ 3 bà đã trả cho bà Ch số tiền là 50.000.000 đồng, số tiền nợ còn lại là 5.000.000 đồng chứ không phải 25.000.000 đồng như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Ch tự ý viết số tiền và ngày tháng năm trả tiền lần 3 vào giấy mượn tiền ngày 20/12/2016. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho việc mình đã trả cho nguyên đơn số tiền là 135.000.000 đồng; Những lần trả tiền trước bị đơn đều tự ghi số tiền vào giấy mượn tiền, nhưng lần trả thứ 3 này bị đơn đã không ghi lại mà bà Ch đã chủ động ghi khi bà H trả tiền. Bà Ch không thừa nhận việc bà H đã trả cho bà Ch số tiền 135.000.000 đồng như bà H trình bày, mà chỉ đồng ý việc bà H đã trả số tiền là 115.000.000 đồng. Vì vậy, lời trình bày của bị đơn bà Bùi Thị H là không có cơ sở, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Ch buộc bà Bùi Thị H phải trả cho bà Ch số tiền là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

[3] *Về án phí:* Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Bùi Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền là: 1.250.000đồng *(Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng)*

Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91; Điều 92, Điều 93, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Ch đối với bị đơn bà Bùi Thị H theo đơn khởi kiện đề ngày 08/11/2022.

[2] Buộc bị đơn bà Bùi Thị H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Đỗ Thị Ch số tiền 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*);

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015: Kể từ ngày bà Đỗ Thị Ch có đơn yêu cầu thi hành án, mà bà Bùi Thị H không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bà Bùi Thị H còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 3 Điều 144; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.Áp dụng Điều 6; điều 18; khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị đơn bà Bùi Thị H phải chịu số tiền 1.250.000đồng *(Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Đỗ Thị Ch số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum là 625.000 đồng (*Sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng*) theo biên lai số AA/2021/0001724 ngày 23 tháng 11 năm 2022.

[4] Trong thời hạn hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án *(13/4/2023)* nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án để xét xử theo thủ tục phúc thẩm../.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao Đà Nẵng;
- TAND Tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đăk Hà;
- Chi cục THADS huyện Đăk Hà;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Trọng Hàn